

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*

Số: 518/2025/UHY-HĐKT

Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 2025

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT

V/việc: Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 và Luật sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập và Nghị định sửa đổi số 90/2025/ND-CP ngày 14/04/2025;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Theo thoả thuận giữa Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hợp đồng kiểm toán (“Hợp đồng”) này được lập bởi và giữa hai bên:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Người đại diện : Bà Trần Mỹ Linh

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trụ sở : Tầng 7+9, số 46-48 phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội

Điện thoại :

Mã số thuế : 0102659313

Và

BÊN B : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Đại diện là : Ông Phạm Gia Đạt

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

(Giấy Ủy quyền số 52/2025/UHY-UQ ngày 25/09/2025)

Trụ sở : Tầng 5 Tòa B2, Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 5678 3999

Số tài khoản : 02027914009 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long, Hà Nội

Mã số thuế : 0102021062

Sau khi bàn bạc và thương lượng, hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng gồm các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B nhận cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của bên A.

Mục đích của cuộc soát xét là để Bên B đưa ra kết luận về việc liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến cho Bên B cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2025 của Bên A không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Mục đích của cuộc kiểm toán là để Bên B có được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Bên A, xét trên phương diện tổng thể, có các sai sót trọng yếu do nhầm lẫn hay do gian lận hay không, và đưa ra ý kiến kiểm toán về việc liệu báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Bên A có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được áp dụng.
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo các sổ kế toán và chứng từ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Bên A, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các

sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng;

(d) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:

- (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
- (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
- (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán; bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

- (e) Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- (f) Bố trí địa điểm làm việc và tạo điều kiện thuận lợi cho các kiểm toán viên của Bên B được cử đến để thực hiện các nội dung đã ghi trong Hợp đồng.
- (g) Có ý kiến phản hồi về bản dự thảo Báo cáo kiểm toán trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ khi Bên B gửi bản dự thảo Báo cáo kiểm toán cho Bên A.
- (h) Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

Đối với dịch vụ soát xét

- (a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ hay không.
- (b) Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính, kế toán và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét Báo cáo tài chính về cơ bản hẹp hơn phạm vi một cuộc kiểm toán

Báo cáo tài chính được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ được soát xét.

- (c) Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.
- (d) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét;
- (e) Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Bên A.

Đối với dịch vụ kiểm toán

- (a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
- (b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý kiểm toán viên có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán;
- (c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;

- (d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận và ý kiến kiểm toán của mình về Báo cáo tài chính. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Bên A;

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

ĐIỀU 3: SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Sau khi kết thúc công việc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các tài liệu sau:

- 05 bộ Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính bán niên 2025 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại 30/06/2025 của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.
- 05 bộ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quy định pháp luật khác có liên quan.
- Thư quản lý (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Phí dịch vụ

Phí dịch vụ Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Bên A là **900.000.000 đồng. (Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng chẵn)**. Phí dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định.

2. Phương thức thanh toán

- (a) **Lần 1:** Bên A tạm ứng cho Bên B **10% (Mười mươi phần trăm)** Phí dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng được ký kết và Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
- (b) **Lần 2:** Bên A thanh toán cho Bên B **10% (Mười phần trăm)** Phí dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày (i) Bên B gửi bản Dự thảo Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2025; (ii) Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
- (c) **Lần 3:** Bên A thanh toán cho Bên B **30% (ba mươi phần trăm)** Phí dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày (i) Bên B bàn giao cho Bên A đầy đủ Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2025; (ii) Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B và hóa đơn GTGT.
- (d) **Lần 4:** Bên A thanh toán cho Bên B **25% (hai mươi lăm phần trăm)** Phí dịch vụ (đã gồm thuế GTGT) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc trước khi bên B tham gia chứng kiến kiểm kê và Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
- (e) **Lần 5:** Bên A thanh toán cho Bên B **toàn bộ Phí dịch vụ còn lại là 25%** (hai mươi lăm phần trăm) Phí dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày (i) Bên B bàn giao cho Bên A đầy đủ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 (ii) Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B và hóa đơn GTGT.

Đối với lần thanh toán 1, 2 và 4: Bên B sẽ xuất hóa đơn GTGT trong vòng 01 (một) ngày làm việc sau khi nhận được giá trị thanh toán theo từng lần thanh toán của Bên A.

Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B tại Hợp đồng này. Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành. Phí dịch vụ Bên A đã thanh toán theo các giai đoạn nêu trên cho Bên B sẽ không được hoàn trả lại nếu như hai bên không thống nhất được Báo cáo dự thảo.

ĐIỀU 5: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Bên B dự kiến kế hoạch thực hiện cung cấp dịch vụ theo thời gian dự kiến như sau:

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến		
		Lập kế hoạch (N)	Thực hiện trực tiếp	Báo cáo dự thảo
1	Kiểm toán BCTC năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024	N – N+3	N+4 – N+15	N+18
2	Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, Soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2025	N – N+4	N+4 – N+15	N+18
3	Kiểm toán BCTC năm 2025, Kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025	20/12/2025	2/2/2026 - 8/2/2026	10/03/2026

(N): Ngày ký hợp đồng kiểm toán

(*): Báo cáo chính thức được phát hành sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được xác nhận của Bên A.

Công việc kiểm toán và soát xét được bắt đầu khi Bên A cung cấp đầy đủ các Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính gửi cho Bên B.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN BẢO MẬT

6.1. Các Bên sẽ luôn cam kết bảo mật (và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng bảo mật) không tiết lộ bất kỳ thông tin nào (“Sau đây gọi là Thông Tin Bảo Mật”) liên quan đến Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn: không sử dụng Thông Tin Bảo Mật cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên tiết lộ thông tin bảo đảm về việc bảo vệ Thông Tin Bảo Mật ở mức độ tương đương với mức độ bảo vệ thông tin hoặc tài liệu mật của chính mình với sự cẩn trọng tối đa và không tiết lộ, trực tiếp hoặc gián tiếp, Thông Tin Bảo Mật cho các bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia;

6.2. Nghĩa vụ bảo mật quy định tại Điều này là ràng buộc với Các Bên trong thời gian thực hiện Hợp đồng và cho đến khi thông tin và tài liệu này còn là thông tin và tài liệu mật trừ khi: Bên tiết lộ thông tin đồng ý giải trừ nghĩa vụ bảo mật cho Bên nhận thông tin trước, hoặc Bên tiết lộ thông tin đã công bố thông tin rộng rãi hoặc thông tin bảo mật đã được cơ quan quản lý nhà nước phổ biến rộng rãi... Thông Tin Bảo Mật trở thành thông tin hoặc tài liệu công khai thông qua các cách thức khác mà không phải là vi phạm nghĩa vụ bảo mật hoặc pháp luật và các quy định có liên quan áp dụng yêu cầu tiết lộ Thông Tin Bảo Mật;

6.3. Trong quan hệ với Bên thứ ba có liên quan đến Hợp đồng, Các Bên sẽ thỏa thuận rõ các thông tin cần được tiết lộ, các thông tin không được tiết lộ vẫn được giữ kín và thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 6.1, Điều 6 của Hợp đồng này;

6.4. Nghĩa vụ của Các Bên được quy định tại Điều này sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực mặc dù Bên đó không còn là một Bên của Hợp đồng hoặc khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn.

6.5. Vào bất kỳ thời điểm nào, trong mọi trường hợp, không phụ thuộc vào bất cứ lý do gì, nếu Bên B có hành vi vi phạm Thông Tin Bảo Mật này thì Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm bao gồm cả trách nhiệm tài chính và trách nhiệm pháp lý với Bên A và với bất kỳ Bên thứ ba nào khác có liên quan mà bị ảnh hưởng, thiệt hại do hành vi vi phạm Thông Tin Bảo Mật này của Bên B gây ra (“**Trách nhiệm bồi thường thiệt hại**”).

ĐIỀU 7: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề cần thay đổi, bổ sung hai bên cần kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản (hoặc qua email theo địa chỉ trên đây) để cùng tìm phương án giải quyết.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng hoà giải và thương lượng. Trường hợp các tranh chấp phát sinh không thể hoà giải trong vòng 30 ngày các bên có quyền khởi kiện ra Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 8: TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1. Tạm dừng Hợp đồng

Các trường hợp tạm dừng thực hiện Hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng;
- Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Các trường hợp khác do hai Bên thoả thuận.

Một Bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi của Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng tư vấn đã ký kết; trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng do hai Bên thoả thuận để khắc phục. Riêng đối với trường hợp tạm dừng Hợp đồng trong các trường hợp nêu tại mục 2 và 3 của Khoản 8.1 Điều này sẽ không phải bồi thường thiệt hại.

8.2. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng

Đơn phương chấm dứt Hợp đồng do sai phạm của Bên B:

- Không thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A khi Hợp đồng có hiệu lực;
- Không hoàn thành việc phát hành các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo soát xét đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng;
- Bên B chuyển nhượng Hợp đồng nhưng không có sự chấp thuận của Bên A.

Đơn phương chấm dứt Hợp đồng do sai phạm của Bên A:

- Không phối hợp với Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng;
- Không cung cấp tài liệu, số liệu và các văn bản pháp luật cần thiết cho Bên B để làm căn cứ thực hiện.

Việc một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng bắt buộc phải được thông báo bằng văn bản gửi cho Bên kia trước 07 (bảy) ngày làm việc. Hợp đồng sẽ chấm dứt kể từ ngày nêu trong thông báo.

8.3. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Các Bên hoàn thành việc thực hiện các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng;
- Các Bên thoả thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng;
- Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 2 Điều này;
- Việc tạm dừng Hợp đồng kéo dài trên 15 (mười lăm) ngày mà không tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng bao gồm 09 trang và được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai Bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN HÒA BÌNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Mỹ Linh

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN UHY

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Gia Đạt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*

Số: 519/2025/UHY - HĐKT

Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 2025

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

- Căn cứ Bộ luật dân sự của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 14/06/2015;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011 và Luật sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập và Nghị định sửa đổi số 90/2025/NĐ-CP ngày 14/04/2025;
- Căn cứ vào Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán số 805: Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ và khi kiểm toán các yếu tố, tài khoản hoặc khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính;
- Theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa hai bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Người đại diện : Bà Trần Mỹ Linh
Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị
Địa chỉ : Tầng 7+9 tòa nhà Vimedimex Group, 46-48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại :
Mã số thuế : 0102659313

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Người đại diện : Ông Phạm Gia Đạt
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
(Giấy ủy quyền số 52/2025/UHY-UQ ngày 25/09/2025)
Trụ sở : Tầng 5 - tháp B2, tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 024.5678 3999
Tài khoản số : 02027914009
Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Thăng Long, Hà Nội
Mã số thuế : 0102021062

Sau khi thỏa thuận, các Bên nhất trí ký hợp đồng gồm các điều khoản sau :

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán các khoản mục của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình bao gồm:

- **Kiểm toán giao dịch phát sinh 14 tài khoản tại 04 ngân hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024, chi tiết như sau:**
 - + Ngân hàng Vietcombank: 03 tài khoản VCB-001100413 6449 của Vietcombank Chi nhánh Hà Nội kể từ ngày 01/11/2021 đến 27/09/2023; VCB- 0301000327778 của Vietcombank Chi nhánh Hoàng Mai kể từ ngày 15/11/2021 đến 11/05/2023; VCB-0931004198340 của Vietcombank Chi nhánh Hoàng Mai kể từ ngày 16/11/2021 đến 11/05/2023;
 - + Ngân hàng BIDV: 04 tài khoản BIDV-12210000688459 của BIDV chi nhánh Hà Thanh kể từ ngày 01/11/2021 đến 11/05/2023; BIDV- 12210000374846 của BIDV Chi nhánh Quang Trung kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/08/2023; BIDV-12210003 663729 của BIDV Chi nhánh Quang Trung kể từ ngày 02/11/2021 đến 31/12/2021; BIDV-122190000000500 của BIDV Chi nhánh Hà Thành kể từ ngày 03/01/2023 đến 25/07/2023;
 - + Ngân hàng HDbank: 03 tài khoản Hdbank-020704070002279 của HDbank Chi nhánh Hoàn Kiếm kể từ ngày 08/11/2021 đến 29/05/2023; Hdbank-020704070000483 của HDbank Chi nhánh Hoàn Kiếm kể từ ngày 02/11/2021 đến 05/10/2022; Hdbank-020704070021358 của HDbank Chi nhánh Hoàn Kiếm kể từ ngày 02/11/2021 đến 30/09/2023;
 - + Ngân hàng Mbbank: 04 tài khoản MB-565959999 của Mbbank Chi nhánh Sở giao dịch 3 kể từ ngày 09/12/2022 đến 31/12/2024; MB-6911665959 của Mbbank Chi nhánh Sở giao dịch 3 kể từ ngày 22/09/2022 đến 31/12/2024; MB-0021106178008 của Mbbank Chi nhánh Sở giao dịch 1 kể từ ngày 27/05/2020 đến 21/05/2024; MB-5111665995 của Mbbank Chi nhánh Sở giao dịch 3 kể từ ngày 20/09/2022 đến 21/05/2024.
- **Kiểm toán khoản mục tiền và tương đương tiền tại thời điểm 01/06/2022; 30/06/2022 bao gồm: Tiền của Công ty và tiền của nhà đầu tư.**

Sau đây gọi tắt là dịch vụ kiểm toán “Các khoản mục” của Bên A.

Bên B sẽ thực hiện kiểm toán phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán số 805 “Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ và khi kiểm toán các yếu tố, tài khoản hoặc khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính” (sau đây được gọi là Chuẩn mực kiểm toán). Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo “Các khoản mục” của Bên A không có sai sót trọng yếu do sai sót hoặc gian lận.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng liên quan đến các số liệu được trình bày trên Báo cáo “Các khoản mục”, đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính kế toán trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo “Các khoản mục” của Bên A.

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của Báo cáo “Các khoản mục” được trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan, trên tất cả các khía cạnh trọng yếu. Việc đưa ra ý kiến kiểm toán, cũng như việc trình bày ý kiến bằng văn bản của Bên B sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế tại ngày Bên B lập Báo cáo kiểm toán. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc không thể đưa ra ý kiến kiểm toán, Bên B có thể từ chối đưa ra ý kiến hoặc từ chối phát hành Báo cáo kiểm toán nhưng phải nói rõ với Bên A lý do. Nếu Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc nếu Báo cáo kiểm toán cần được sửa đổi, các lý do sửa đổi sẽ được trao đổi với Ban Tổng Giám đốc Bên A trước khi phát hành báo cáo kiểm toán.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban quản trị và những người chịu trách nhiệm về quản trị doanh nghiệp (trong phạm vi phù hợp) của Bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo “Các khoản mục” trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo “Các khoản mục” được áp dụng;
- b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo “Các khoản mục” không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- c) Đảm bảo rằng Bên A đã tuân thủ các qui định hiện hành đối với mọi hoạt động của mình, bao gồm việc lưu giữ và quản lý các chứng từ, sổ kế toán, Báo cáo “Các khoản mục” của Bên A và các tài liệu có liên quan một cách an toàn, bí mật theo đúng quy định của Nhà nước.
- d) Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh một cách đúng đắn vào sổ sách kế toán.
- e) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban quản trị nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo “Các khoản mục” như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Ban quản trị và Ban quản trị (những người chịu trách nhiệm về quản trị doanh nghiệp) (trong phạm vi phù hợp) cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận và trao đổi không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán; và
 - Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
 - Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình kiểm toán tại Văn phòng của Bên A.

Bên A chỉ sử dụng Báo cáo “Các khoản mục” của Bên A để đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho các bên liên quan của theo quy định.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ và các chi phí khác (nếu có) như đã cam kết tại Điều 5 của Hợp đồng này.

Việc Ban quản trị không thể cung cấp cho Bên B các thông tin được đề cập như trên hoặc quyền trao đổi với nhân viên trong Công ty của Bên A có thể gây chậm hoàn thành công việc và phát hành báo cáo của Bên B, và/hoặc thay đổi phạm vi các thủ tục kiểm toán, hoặc thậm chí dẫn tới việc Bên B chấm dứt cung cấp dịch vụ;

2.2 Trách nhiệm của Bên B

- a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo “Các khoản mục”, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo “Các khoản mục”. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo “Các khoản mục” do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù

hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban quản trị, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể của Báo cáo “Các khoản mục”.

- b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung, kế hoạch kiểm toán và kết quả kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo “Các khoản mục” của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là Bên B có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

ĐIỀU 3: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Bên B sẽ cử các kiểm toán viên đến thực hiện công việc kiểm toán trực tiếp tại Văn phòng làm việc của Bên A. Thời gian thực hiện kiểm toán cụ thể sẽ được hai bên cùng thống nhất triển khai nhưng không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày khi ký hợp đồng.

Thời gian thực hiện dự kiến không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng, Bên A chuẩn bị đầy đủ các tài liệu liên quan;;

Trong quá trình thực hiện công việc nếu có phát sinh các vấn đề ảnh hưởng đến tiến độ công việc, hai bên sẽ phải thông báo kịp thời cho nhau để tìm biện pháp xử lý thích hợp. Trường hợp Bên B chậm tiến độ không do lỗi của Bên A, Bên B có trách nhiệm chịu phạt vi phạm bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho Bên A.

ĐIỀU 4: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A: 05 bộ báo cáo kiểm toán về:

- Báo cáo Kiểm toán về 14 tài khoản tại 04 ngân hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024;
- Báo cáo Kiểm toán về số dư khoản mục tiền và tương đương tiền tại thời điểm 01/06/2022 và 30/06/2022 bao gồm: Tiền của Công ty và tiền của Nhà đầu tư.

Báo cáo kiểm toán chính thức sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung tuân thủ theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quy định pháp lý khác có liên quan.

ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Phí dịch vụ

Tổng số phí dịch vụ kiểm toán Báo cáo “Các khoản mục” theo điều 1 của hợp đồng là: **900.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng chẵn)**. **Phí dịch vụ kiểm toán trên đây chưa bao gồm thuế GTGT.**

2. Phương thức thanh toán

- Lần 01: 10% giá trị Hợp đồng được tạm ứng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng;
- Lần 02: 40% giá trị Hợp đồng được tạm ứng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên B gửi Dự thảo các Báo cáo Kiểm toán về 14 tài khoản tại 04 ngân hàng và sổ dư khoản mục tiền và tương đương tiền tại thời điểm 01/06/2022 và 30/06/2022.
- Lần 03: Thanh toán 100% phí dịch vụ (sau khi trừ giá trị tạm ứng) trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên B bàn giao cho Bên A đầy đủ Báo cáo kiểm toán chính thức và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán Bên A.

3. Hồ sơ thanh toán

a. Lần 01, 02:

- Giấy đề nghị thanh toán.

b. Lần 03:

- Hoá đơn VAT hợp lệ;
- Giấy đề nghị thanh toán.

ĐIỀU 6: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi, bổ sung phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên bằng văn bản theo địa chỉ trên đây và phải được Hai bên đồng ý, lập thành văn bản do đại diện của hai bên ký.

Nếu có những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, hai Bên cần ưu tiên giải quyết những tranh chấp đó thông qua thỏa thuận, thương lượng. Trường hợp không thể thương lượng, mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành và tại tòa án kinh tế có thẩm quyền do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai Bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN UHY

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Gia Đạt

Đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
HÒA BÌNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trần Mỹ Linh